

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HSST
Ngày 30/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp

Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2023/HSST ngày 31/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật Giáo Hòa Hảo; Học lực: 02/12; Nghề nghiệp: Lăm thuê; Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1943; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1948. Anh, em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ tư. Chồng Nguyễn Văn L, sinh năm 1978. Có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007.

Quá trình hoạt động: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 02 thì nghỉ học, phụ giúp gia đình.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/5/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia phiên tòa:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1963; nơi cư trú: ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp V, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

4. Bà Châu Thị Kiều Phương, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2021, bị cáo Nguyễn Thị T bán số đề cho Pha N và Chăn N (đều cư trú tại Campuchia, không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) bằng hình thức liên lạc qua điện thoại rồi ghi vào phôi đề. Khi có kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền Nam mở thưởng, T tính tiền thắng thua hằng ngày, khoảng 04 – 05 ngày giao nhận tiền thắng thua với Pha N và Chăn N tại khu vực gần biên giới Việt Nam – Campuchia.

Ngày 17/12/2021, T bán số đề tổng cộng 5.022.000 đồng, cụ thể: bán trực tiếp tại nhà của A cho Trần Thị B 15.000 đồng, Trần Thị C 20.000 đồng; bán qua điện thoại cho Pha N và Chăn N tổng cộng 4.987.000 đồng. Khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, A đang cộng các phôi đề tại nhà (ấp V, xã K, huyện A) thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 16.175.000 đồng cùng các tang vật có liên quan.

Ngày 07/5/2023, Nguyễn Thị T bị khởi tố điều tra.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) phong bì dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn Phước T và đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang. Bên trong có 01 điện thoại di động hiệu NOKIA S3, số IMEI 1: 359602056826563 và số IMEI 2: 359602056826571

- 01 (một) cây bút bi.

- 05 (năm) tờ giấy than (giấy cal).

- Tiền Việt Nam: 16.175.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSAP-HS ngày 26/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố, sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tội “Đánh bạc”. Đề nghị xử phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử A hành xét xử vắng những người nêu trên.

[3] Xét hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, từ đó đủ cơ sở kết luận: Bị cáo T đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề được thua bằng tiền với tổng số tiền 5.022.000 đồng vào ngày 17/12/2021.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh nhất, không muốn lao động vất vả nên tham gia vào tệ nạn xã hội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị áp dụng là đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đối với:

- Bà Châu Thị Kiều P là “chủ thầu” nhưng bà P không thừa nhận, ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh, nên chưa đủ căn cứ để quy kết. Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phương về hành vi này là có căn cứ.

- Bà Trần Thị B, Trần Thị C tham gia đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A đề nghị xử phạt hành chính là phù hợp.

- Pha N và Chấn N là đối tượng đang cư trú tại Campuchia, chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Bị cáo T xác định ngoài lần bán số đề bị bắt quả tang thì còn bán số đề vào ngày 16/12/2021 và những ngày trước đó. Tuy nhiên T không xác định được những người tham gia đánh bạc, cũng như số tiền thực tế tham gia đánh bạc, nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T về hành vi đánh bạc vào ngày 16/12/2021 cũng như những ngày trước đó.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) phong bì dán kín, bên ngoài có chữ ký ghi tên giám định viên Nguyễn Phước T và đóng dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang. Bên trong có 01 điện thoại di động hiệu NOKIA S3, số IMEI 1: 359602056826563 và số IMEI 2: 359602056826571; (đã qua sử dụng), đây là công cụ dùng để đánh bạc nên tịch thu, sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) cây bút bi (đã qua sử dụng), đây là công cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 05 (năm) tờ giấy than (giấy cal), đây là công cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam: 16.175.000 đồng. Trong đó số tiền 5.022.000 đồng đây là số tiền trên phôi đề ngày 17/12/2021, sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền này. Số tiền còn lại 11.153.000 đồng tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ các 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Đánh bạc*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án 30/8/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh An Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015.

Hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây bút bi (đã qua sử dụng), đây là công cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng.

- 05 (năm) tờ giấy than (giấy cal), đây là công cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA S3, số IMEI 1: 359602056826563 và số IMEI 2: 359602056826571; (đã qua sử dụng), đây là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc.

- Số tiền 5.022.000 đồng trên phôi đề ngày 17/12/2021, sử dụng vào việc đánh bạc.

Số tiền còn lại là 11.153.000 đồng tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

(Theo biên lai nộp tiền ngày 29/12/2021 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Châu Đốc, người nộp tiền Phạm Hữu Nghị).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2023), bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND xã K (01);
- Người liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc